

**BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI**



CAO THỊ NHIÊN

**NGHIÊN CỨU SAI PHẠM TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CỦA CÁC DOANH NGHIỆP NIÊM YẾT TRÊN
THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM**

Chuyên ngành: Kế toán

Mã số: 9340301

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ NGÀNH KẾ TOÁN

Hà Nội – Năm 2025

Công trình được hoàn thành tại:

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI – BỘ CÔNG THƯƠNG

Người hướng dẫn khoa học:

- 1. PGS.TS. Đặng Ngọc Hùng**
- 2. TS. Hoàng Thị Việt Hà**

Phản biện 1: PGS.TS Nguyễn Phú Giang

Phản biện 2: PGS.TS Mai Ngọc Anh

Phản biện 3: PGS.TS Đỗ Đức Tài

L luận án được bảo vệ tại Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp Trường và họp tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội vào hồi... giờ, ngày 29 tháng 10 năm 2025

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội
- Thư viện Quốc gia Việt Nam

LỜI MỞ ĐẦU

1. Lý do lựa chọn đề tài

Trên thị trường chứng khoán, những thông tin, đặc biệt là thông tin tài chính trên BCTC đóng vai trò rất quan trọng, những thông tin này nhằm mục đích cung cấp các thông tin về tình hình tài chính, tình hình kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp, là cơ sở tạo niềm tin cho các nhà đầu tư để họ đưa ra các quyết định đầu tư đúng đắn. Sai phạm trong BCTC là một chủ đề có tính nổi bật trong lĩnh vực kinh tế, xã hội và chính trị. Tính nghiêm trọng ảnh hưởng của sai phạm trong BCTC trên thế giới và ở Việt Nam đặt ra vấn đề cần tìm hiểu bản chất, nguyên nhân và hệ quả của sai phạm.

Sai phạm trong BCTC trên thế giới trở thành vấn đề nghiêm trọng, gây ra những thiệt hại lớn đối với các doanh nghiệp, chính phủ và nhà đầu tư. Tại Việt Nam những năm gần đây đã xảy ra nhiều vụ sai phạm khi lập BCTC, các công ty này vi phạm do công bố thông tin không BCTC đúng thời hạn và công bố thông tin BCTC sai lệch, BCTC công bố trình bày sai chỉ tiêu do hạch toán sai. Hậu quả của việc sai phạm trong BCTC của các công ty niêm yết đã bị phát hiện hoặc chưa được phát hiện gây ra tâm lý nghi ngờ cho nhà đầu tư, ảnh hưởng tới hoạt động của thị trường vốn.

Đã có nhiều nghiên cứu về gian lận, sai sót và sai phạm trong BCTC với nhiều hướng tiếp cận khác nhau, các công trình nghiên cứu này đưa ra các biện pháp ngăn ngừa, phát hiện gian lận ở một mức độ nào đó, giúp ích rất nhiều cho các nhà đầu tư, các đối tượng quan tâm đến thông tin trên BCTC từ đó có những lựa chọn quản lý và đầu tư hiệu quả. Bên cạnh đó, trong hai năm gần đây do ảnh hưởng của đại dịch Covid19 trên thế giới, nền kinh tế Việt Nam chịu nhiều tác động đa chiều từ bối cảnh kinh tế quốc tế và trong nước. Các doanh nghiệp lâm vào tình trạng khó khăn và lợi ích đan xen nên có thể họ sẽ sử dụng các thủ thuật để gian lận trong BCTC nhằm phục vụ cho các lợi ích của mình khiến các nhà đầu tư dần mất niềm tin vào sổ sách kế toán của các công ty niêm yết.

Từ bối cảnh nêu trên, tác giả cho rằng đề tài ***“Nghiên cứu sai phạm trong báo cáo tài chính của các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam”*** là cần thiết. Nghiên cứu được thực hiện nhằm xác định những nhân tố có ảnh hưởng đến sai phạm trong BCTC, cung cấp thêm bằng chứng thực nghiệm về ảnh hưởng và tầm quan trọng của các nhân tố trong dự báo sai phạm trong BCTC tại Việt Nam. Qua đó bàn luận và đưa ra các hàm ý, nhằm ngăn ngừa, phát hiện sai phạm trong BCTC hiện đang còn hạn chế ở Việt Nam hiện nay.

Luận án nghiên cứu sai phạm trong BCTC trên quan điểm và góc độ của nhà nghiên cứu, với mục tiêu chính là cung cấp bằng chứng thực nghiệm và các mô hình dự báo. Cụ thể, dữ liệu sai phạm được xác định dựa trên các quyết định xử phạt hành chính của Ủy ban Chứng khoán

Nhà nước (UBCKNN) giai đoạn 2015 - 2023, nhằm đảm bảo tính khách quan và phản ánh thực tiễn tuân thủ pháp luật trong công bố thông tin tài chính. Trên cơ sở đó, luận án vận dụng Tam giác gian lận, Kim cương gian lận và Lý thuyết đại diện để phân tích các nhóm nhân tố áp lực – cơ hội – thái độ, đồng thời ứng dụng mô hình hồi quy logistic và thuật toán học máy (Decision Tree, Random Forest) để dự báo khả năng xảy ra sai phạm và đánh giá mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố. Cách tiếp cận này giúp liên kết giữa dữ liệu thực chứng và khung lý thuyết gian lận, đảm bảo tính khoa học, khách quan và giá trị ứng dụng của nghiên cứu trong việc nhận diện và dự báo sai phạm báo cáo tài chính của doanh nghiệp niêm yết. Ngoài ra, kết quả nghiên cứu cũng hỗ trợ kiểm toán viên trong việc nhận diện và ngăn ngừa sai phạm, đồng thời giúp các doanh nghiệp nâng cao quản trị nội bộ và tính minh bạch tài chính.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Mục tiêu chung: Xác định các nhân tố ảnh hưởng đến sai phạm trong BCTC và tầm quan trọng của các nhân tố trong dự báo sai phạm trong BCTC của các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Mục tiêu cụ thể:

- Xác định các nhân tố ảnh hưởng đến sai phạm trong BCTC của các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán tại Việt Nam.

- Xác định tầm quan trọng của các nhân tố trong dự báo sai phạm trong BCTC của các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán tại Việt Nam.

3. Câu hỏi nghiên cứu

Câu hỏi 1: Nhân tố nào ảnh hưởng, mức độ ảnh hưởng và tầm quan trọng của từng nhân tố đến sai phạm trong BCTC của các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán tại Việt Nam?

Câu hỏi 2: Phương pháp nào có kết quả dự báo sai phạm trong BCTC của các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán tại Việt Nam là chính xác nhất?

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- **Đối tượng nghiên cứu:** Sai phạm trong BCTC, các nhân tố ảnh hưởng đến sai phạm trong BCTC của các doanh nghiệp niêm yết trên sàn chứng khoán Việt Nam.

- **Thời gian nghiên cứu:** Các doanh nghiệp trong giai đoạn 2015-2023.

- **Phạm vi nghiên cứu:** Tác giả thu thập toàn bộ dữ liệu các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Bên cạnh đó, nhằm so sánh thực trạng sai phạm trong BCTC của các doanh nghiệp, nghiên cứu sử dụng dữ liệu của các doanh nghiệp trên sàn UPCOM và OTC.

5. Phương pháp nghiên cứu

Đề tài sử dụng kết hợp nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng, các phương pháp nghiên cứu được sử dụng để giải quyết từng câu hỏi nghiên cứu được trình bày cụ thể trong các chương của luận án.

6. Ý nghĩa khoa học của nghiên cứu

6.1. Về mặt lý thuyết:

Luận án đã thiết lập một khung lý thuyết toàn diện, dựa trên sự kết hợp các lý thuyết nền tảng: Tam giác Gian lận (giải thích động cơ, cơ hội, thái độ dẫn đến sai phạm), Kim cương gian lận (giải thích động cơ, cơ hội, thái độ dẫn đến sai phạm, năng lực) Bàn cân Gian lận (bổ sung yếu tố tính chính trực), Lý thuyết Đại diện (làm rõ xung đột lợi ích giữa nhà quản lý và cổ đông) và Lý thuyết Tín hiệu (lý giải tác động của bất cân xứng thông tin). Các lý thuyết này được vận dụng xuyên suốt trong toàn bộ nghiên cứu nhằm đảm bảo tính thống nhất và logic giữa các chương.

6.2. Về mặt thực tiễn:

Luận án cung cấp kết quả thực nghiệm ảnh hưởng của các nhân tố đến sai phạm trong BCTC và tầm quan trọng của các nhân tố trong dự báo sai phạm trong BCTC của doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán tại Việt Nam. Luận án đã đề xuất hàm ý thực tiễn nhằm ngăn ngừa, phát hiện sai phạm trong BCTC, giúp ích rất nhiều cho các nhà đầu tư, các đối tượng quan tâm đến thông tin trên BCTC từ đó có những lựa chọn quản lý và đầu tư hiệu quả. Công trình này cung cấp các cơ sở khoa học giúp các cơ quan quản lý tham khảo từ đó xác lập, điều chỉnh các chính sách phù hợp nhằm kiểm soát và hạn chế tới mức thấp nhất các hành vi sai phạm trong BCTC. Từ đó giảm thiểu, hạn chế sai phạm trong BCTC, nâng cao tính minh bạch, trung thực của các BCTC, thúc đẩy thị trường chứng khoán phát triển bền vững. Luận án là tài liệu tham khảo hữu ích cho các nhà nghiên cứu, các nhà quản lý về sai phạm trong BCTC trong doanh nghiệp.

7. Kết cấu luận án

Chương 1: Tổng quan nghiên cứu sai phạm trong báo cáo tài chính

Chương 2: Cơ sở lý thuyết sai phạm trong báo cáo tài chính

Chương 3: Phương pháp nghiên cứu

Chương 4: Kết quả nghiên cứu sai phạm trong báo cáo tài chính

Chương 5: Thảo luận và khuyến nghị

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU SAI PHẠM TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1.1. Tổng quan các nghiên cứu xác định sai phạm trong báo cáo tài chính

1.1.1. Các nghiên cứu nhận diện hành vi sai phạm trong báo cáo tài chính.

(Cressey, 1953) là người đầu tiên nhận diện hành vi sai phạm trong BCTC, thông qua khảo sát hơn 200 trường hợp tội phạm kinh tế. Theo Cressey gian lận thường phát sinh khi hội tụ ba điều kiện: Áp lực/động cơ, cơ hội, thái độ/cá tính.

Tại Việt Nam, bước đầu đã có một số nghiên cứu về nhận diện hành vi sai phạm trong BCTC như nghiên cứu của (Tạ Thu Trang, 2018), (Vũ Thị Thục Oanh, 2018).

Dựa trên các nghiên cứu của (ACFE, 2022), (Schilit, 1993), (VAS 240, 2012), (Bonner, Palmrose, & Young, 1998), tổng hợp các hành vi sai phạm trong BCTC được tóm lược thành 5 nhóm gồm: (1) Ghi tăng hoặc giảm các khoản chi phí; (2) Ghi tăng hoặc giảm doanh thu; (3) Định giá sai giá trị các tài sản, nợ phải trả; (4) Cung cấp thông tin không đầy đủ và không chính xác; (5) Các hành vi khác.

1.1.2. Các nghiên cứu sai phạm trong báo cáo tài chính dựa trên quyết định xử phạt của cơ quan có thẩm quyền

Tại Malaysia, (Zainudin & Hashim, 2016), (Nasir, Ali, & Ahmed, 2019) đã sử dụng các trường hợp công ty vi phạm do Ủy ban chứng khoán Malaysia công bố để phát triển mô hình dự báo sai phạm trong BCTC bằng phương pháp thống kê đa biến. Tại Đài Loan, (Lin, Chiu, Huang, & Yen, 2015), (Chen, 2016), (Jan, 2018) cũng tiến hành phân tích các công ty bị Ủy ban Chứng khoán Đài Loan xử phạt. Các nghiên cứu này dựa trên lý thuyết tam giác gian lận đồng thời sử dụng các kỹ thuật như Cây quyết định và Mạng thần kinh nhân tạo nhằm tăng khả năng dự báo sai phạm trong báo cáo tài chính. Tại Trung Quốc cách xác định sai phạm trong BCTC theo thông báo xử phạt hành chính của SRC đã được hầu hết các học giả chấp nhận.

1.1.3. Các nghiên cứu sai phạm trong báo cáo tài chính dựa trên kết quả chênh lệch trước và sau kiểm toán

Các nghiên cứu quốc tế như (Francis, 2004), (Becker, DeFond, Jiambalvo, & Subramanyam, 1998), các nghiên cứu ở Việt Nam (Nguyễn Trọng Hiếu, 2020), (Nguyễn Trọng Hiếu, Nguyễn Công Phương, & Nguyễn Mạnh Cường, 2022), (Trần Thị Giang Tân, Nguyễn Trí Tri, Đinh Ngọc Tú, Hoàng Trọng Hiệp, & Nguyễn Đình Hoàng Uyên, 2015), (Nguyễn Công Phương & Lâm Xuân Đào, 2016) tuy nhiên vẫn tồn tại nhiều khoảng trống cần tiếp tục khám phá.

1.1.4. Các nghiên cứu sai phạm trong báo cáo tài chính dựa trên các mô hình dự báo

Mô hình Beneish M-Score, phát triển bởi (Beneish, 1999), một trong những công cụ định lượng đầu tiên nhằm dự đoán khả năng gian lận lợi nhuận thông qua các chỉ số tài chính.

Mô hình chỉ số F-score, được (P. M. Dechow, Ge, & Sloan, 2011) phát triển, nhằm dự báo khả năng sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính, không chỉ giới hạn ở hành vi gian lận. Mô hình này kết hợp các yếu tố tài chính truyền thống với các yếu tố phi tài chính, phản ánh sâu sắc hơn động lực và hoàn cảnh dẫn đến sai sót.

Kết hợp mô hình là F-Score hay M-Score, Việc kết hợp hai mô hình giúp bù đắp những hạn chế của từng mô hình riêng lẻ và nâng cao độ tin cậy trong đánh giá rủi ro gian lận.

1.1.5. Các nghiên cứu xác định sai phạm trong báo cáo tài chính dựa trên các cách tiếp cận khác

(Skalak, Golden, Clayton, & Pill, 2011) cho rằng hành vi sai phạm trong BCTC có thể được thực hiện theo hai chiều hướng: (1) Tạo ra một BCTC tốt đẹp hơn bằng cách ghi nhận trước doanh thu của kỳ sau, doanh thu ảo, thay đổi chính sách kế toán và ghi thiếu chi phí; hoặc (2) tạo một BCTC xấu hơn để tạo một khoản dự trữ phục vụ cho mục đích trong tương lai thông qua việc trích lập dự phòng, ghi không chi phí hoặc ghi thiếu doanh thu.

(Santoso & Surenggono, 2018) nghiên cứu nhằm mục đích thu thập bằng chứng thực nghiệm về việc phát hiện gian lận báo cáo tài chính liên quan đến quản lý thu nhập thông qua mô hình doanh thu tùy ý và mô hình gian lận kim cương.

Tại Việt Nam một số nghiên cứu của (Lê Vũ Ngọc Thanh, Phạm Thị Ngọc Bích, Nguyễn Đình Hoàng Uyên, & Nguyễn, 2022), (Phạm Thị Ngọc Bích, Mai Đức Nghĩa, Đinh Ngọc Tú, & Lê Vũ Ngọc Thanh, 2024), tập trung tìm hiểu các áp lực dẫn đến gian lận trên BCTC của các doanh nghiệp niêm yết trên sàn chứng khoán Việt Nam.

Các nghiên cứu của (Tạ Thu Trang & Nguyễn Thị Hương, 2013), xem xét đến các yếu tố dẫn đến rủi ro có gian lận trong lập báo cáo tài chính doanh nghiệp với mục tiêu đánh giá tác động và ảnh hưởng của gian lận trong lập báo cáo tài chính đến nền kinh tế. Nghiên cứu của (Nguyễn Đức Dũng & Vũ Thị Minh Thu, 2013), xem xét một số sai phạm trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ như sai phạm trong việc phân loại dòng tiền, sai phạm liên quan đến tăng giảm khoản phải thu,...

1.2. Tổng quan nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến sai phạm trong báo cáo tài chính

Trong nghiên cứu sai phạm trong BCTC, việc sử dụng các lý thuyết nền tảng là cần thiết nhằm tạo cơ sở lý luận để lý giải động cơ, áp lực và các điều kiện thuận lợi cho hành vi gian lận phát sinh. Lý thuyết tam giác gian lận, lý thuyết bàn cân gian lận, lý thuyết kim cương

gian lận, lý thuyết đại diện, lý thuyết tín hiệu là những lý thuyết nền tảng lý luận quan trọng nhất hiện nay, 5 lý thuyết trên thường được sử dụng vì các lý do chính như sau:

1.2.1. Áp lực tài chính và kết quả kỳ vọng

Lý thuyết tam giác gian lận của (Cressey, 1953) nhấn mạnh rằng áp lực tài chính cá nhân hoặc tổ chức là nhân tố kích hoạt chính hành vi sai phạm trong BCTC. Các nghiên cứu quốc tế như (Rezaee, 2005) đã xác định rằng áp lực đạt mục tiêu lợi nhuận, duy trì giá cổ phiếu hoặc đáp ứng yêu cầu của chủ nợ là nguyên nhân chính khiến nhà quản lý thực hiện sai phạm trong BCTC.

1.2.2. Cơ hội gian lận

(Cressey, 1953) chỉ ra rằng gian lận chỉ xảy ra khi cá nhân nhận thấy có cơ hội để thực hiện và che giấu hành vi đó mà không bị phát hiện. Các yếu tố như hệ thống kiểm soát nội bộ yếu, sự phức tạp trong cấu trúc tổ chức, và sự can thiệp của ban lãnh đạo vào quy trình báo cáo tài chính tạo ra môi trường thuận lợi cho gian lận. (Beasley, 1996) chứng minh rằng tỷ lệ thành viên độc lập thấp trong Hội đồng quản trị có liên quan đến khả năng gian lận báo cáo tài chính.

1.2.3. Tính chính trực và đạo đức nghề nghiệp

Lý thuyết bàn cân gian lận (W Steve Albrecht et al., 1986) bổ sung yếu tố chính trực (integrity) như một đối trọng của động cơ gian lận.

Ngoài ra, nghiên cứu của (Lennox, 2000) cũng cho rằng các doanh nghiệp cố gắng né tránh ý kiến kiểm toán bất lợi bằng cách điều chỉnh số liệu tài chính, dẫn đến gia tăng khả năng sai phạm trong BCTC. Tại Việt Nam, (Lê Thị Thu Hà & Bùi Thị Thủy, 2021) ghi nhận có dấu hiệu của hành vi thao túng lợi nhuận trên các báo cáo tài chính nhận được ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần.

1.3. Tổng quan nghiên cứu sử dụng các kỹ thuật trong dự báo sai phạm trong báo cáo tài chính

1.3.1 Kỹ thuật phân tích Logit

Sử dụng kỹ thuật phân tích Logit để xem xét các nhân tố ảnh hưởng và dự báo khả năng gian lận đã được thực hiện nhiều trên thế giới tiêu biểu là các nghiên cứu của (Persons, 1995), (Beasley, 1996), (Summers & Sweeney, 1998), (Perols, 2011). Nghiên cứu của (Kanapickienė & Grundienė, 2015) đã nghiên cứu sự ảnh hưởng của các chỉ số tài chính bằng phương pháp hồi quy logistic. Mô hình (Lenard & Alam, 2009), đã nghiên cứu sự kết hợp giữa mô hình dự báo phá sản và mô hình dự báo gian lận bằng phương pháp định lượng sử dụng hồi quy logit.

1.3.2. Nghiên cứu ứng dụng máy học và trí tuệ nhân tạo dự báo sai phạm trong báo cáo tài chính

Các ứng dụng khai thác dữ liệu trên thị trường chứng khoán liên quan đến phát hiện gian lận BCTC như nghiên cứu của (Green & Choi, 1997), (Feroz, Kwon, Pastena, & Park, 2000), (Perols, 2011), (Sharma & Panigrahi, 2013), (Kotsiantis, Koumanakos, Tzelepis, & Tampakas, 2006) (Chen, 2016), (Jan, 2018).

Tương tự như các nghiên cứu trên, với sự phát triển của khoa học công nghệ, các mô hình học máy như mô hình mạng thần kinh nhân tạo (ANN - Artificial Neural networks) và mô hình cây phân lớp (Decision tree classification). Các nghiên cứu dự báo sai phạm trong BCTC sử dụng các phương pháp học máy được sử dụng ngày càng nhiều, với mức độ dự báo đã được cải thiện đáng kể so với phương pháp truyền thống như nghiên cứu của (Yao, Pan, Yang, Chen, & Li, 2019), (Craja, Kim, & Lessmann, 2020), (Zenzerović & Šajrić, 2023), (Achakzai & Peng, 2023), (Ali, Khedr, El-Bannany, & Kanakkayil, 2023), (Nemati, Mohammadi, Bayat, & Mirzaei, 2024).

1.4. Khoảng trống nghiên cứu

Thứ nhất: Tại Việt Nam, đã có nhiều nghiên cứu sai phạm trong BCTC theo cách tiếp cận khác nhau. Tuy nhiên việc xác định sai phạm trong BCTC dựa trên các quyết định xử phạt sai phạm trong BCTC của cơ quan nhà nước thì chưa có nghiên cứu nào ở Việt Nam đi theo hướng tiếp cận này (trong khi các nghiên cứu trên thế giới Ở Mỹ, Đài Loan, Trung Quốc, Malaysia .. tiêu chí xác định sai phạm trong BCTC dựa trên kết luận của cơ quan có thẩm quyền).

Thứ hai: Câu hỏi đặt ra là những nhân tố nào có tầm quan trọng nhất trong dự báo khả năng sai phạm trong BCTC? và việc ứng dụng các thuật toán máy học trong dự báo có khả thi không? Do đó mục tiêu nghiên cứu là vận dụng thuật toán máy học vào việc xem xét tiếp cận theo lý thuyết tam giác gian lận ảnh hưởng đến khả năng sai phạm trong BCTC. Trong nhiều mô hình dự báo, nghiên cứu này sẽ bổ sung các thuật toán máy học vì đây là một công nghệ tiên tiến, đang được ứng dụng rộng rãi trên thế giới xong còn mới mẻ tại Việt Nam trong dự báo sai phạm trong BCTC.

Thứ ba: Đại dịch Covid19 ảnh hưởng nghiêm trọng trên tất cả các mặt đời sống xã hội cho nền kinh tế và các doanh nghiệp. Như vậy, tác động của dịch bệnh đã ảnh hưởng sai phạm trong BCTC của các doanh nghiệp như thế nào? Nghiên cứu này để trả lời câu hỏi này là rất quan trọng và cần thiết để các nhà quản trị doanh nghiệp, nhà quản lý hiện nay thấy được tác động của đại dịch Covid19 đến sai phạm trong BCTC?

CHƯƠNG 2: CƠ SỞ LÝ THUYẾT SAI PHẠM TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Báo cáo tài chính

2.1.1. Khái niệm Báo cáo tài chính

Theo chuẩn mực kế toán quốc tế (IAS 01) của Ủy ban chuẩn mực kế toán quốc tế (IASB), Theo quy định tại Khoản 1, Điều 3, Luật Kế toán số 88/2015/QH13, theo Điều 97, Thông tư 200/2014/TT-BTC thì Báo cáo tài chính BCTC là phương tiện trình bày khả năng sinh lời và thực trạng tài chính của doanh nghiệp cho những người quan tâm. Báo cáo tài chính áp dụng cho tất cả các loại hình doanh nghiệp thực hiện đúng theo quy định của Pháp luật Việt Nam.

2.1.2. Mục đích của Báo cáo tài chính

2.1.2.1. Theo Hội đồng chuẩn mực kế toán quốc tế (IASB)

Khuôn mẫu lý thuyết cho BCTC quốc tế do IASB phê chuẩn tháng 09/2010 xác định mục đích của BCTC cho mục đích chung (sau đây gọi tắt là mục đích của BCTC) là “cung cấp thông tin tài chính hữu ích về doanh nghiệp cho các nhà đầu tư hiện tại và tiềm năng, người cho vay và các chủ nợ khác trong việc đưa ra quyết định về việc cung cấp nguồn lực cho doanh nghiệp” (IASB, 2010a, p.OB2).

Theo IAS 1- *Trình bày BCTC* (IASB hiệu chỉnh tháng 05/2012), mục đích của BCTC là cung cấp các thông tin về tình hình tài chính, kết quả tài chính và các luồng tiền của doanh nghiệp, đáp ứng yêu cầu của số đông những người sử dụng trong việc đưa ra các quyết định kinh tế.

2.1.2.2. Theo Hội đồng chuẩn mực kế toán tài chính Mỹ (FASB)

Khái niệm kế toán tài chính số 8 - (SFAC 8), FASB khẳng định, mục đích của BCTC là nền tảng của khuôn mẫu lý thuyết cho BCTC. *Như vậy, mục đích của BCTC là cung cấp thông tin tài chính hữu ích về doanh nghiệp cho các đối tượng sử dụng, trong đó chủ yếu là nhà đầu tư hiện tại và tiềm năng, người cho vay và các chủ nợ khác, trong việc đưa ra quyết định về việc cung cấp nguồn lực cho doanh nghiệp*

2.2. Sai phạm trong báo cáo tài chính

2.2.1. Khái niệm sai phạm trong báo cáo tài chính

- Sai sót BCTC

Theo Chuẩn mực kiểm toán quốc tế (ISA 450); Chuẩn mực kế toán quốc tế 08 (IAS 08); Chuẩn mực kế toán Việt Nam 29 (VAS 29); Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 450 (thuộc Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 214/2012/TT-BTC ngày 06/12/2012 của Bộ Tài chính),... theo quan điểm của tác giả thì “*Sai sót trong báo cáo tài*

chính là sự khác biệt giữa giá trị, cách phân loại, trình bày hoặc thuyết minh của một khoản mục trên báo cáo tài chính so với yêu cầu của khuôn khổ lập và trình bày báo cáo tài chính được áp dụng. Sai sót có thể phát sinh do nhầm lẫn (không cố ý) như tính toán sai, bỏ sót thông tin, áp dụng sai chính sách kế toán hoặc do gian lận (cố ý) nhằm làm sai lệch thông tin. Một sai sót được coi là trọng yếu nếu có khả năng làm sai lệch đáng kể báo cáo tài chính, ảnh hưởng đến quyết định kinh tế của người sử dụng”.

- Gian lận Báo cáo tài chính

Theo (Elliott & Willingham, 1980), hành vi gian lận BCTC là hành vi chủ đích thay đổi thông tin hoặc trình bày sai lệch trọng yếu, gây tổn hại cho nhà đầu tư và chủ nợ. (ACFE, 2022) định nghĩa gian lận trên báo cáo tài chính là việc cố ý bóp méo, trình bày không trung thực về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và luồng tiền của một doanh nghiệp, được thực hiện thông qua việc cố ý trình bày sai hoặc bỏ sót thông tin trên BCTC để đánh lừa người sử dụng. Các chuẩn mực kiểm toán của Mỹ (SAS No. 54: AICPA 1998) định nghĩa gian lận BCTC là “Hành vi gian lận gây ra sai lệch trọng yếu của BCTC”. Chuẩn mực kiểm toán số 240 (ban hành năm 2012) nhấn mạnh hành vi gian dối của gian lận nói chung thay vì gian lận BCTC: “gian lận là hành vi cố ý do một hay nhiều người trong Ban quản trị, Ban Giám đốc, các nhân viên hoặc bên thứ ba thực hiện bằng các hành vi gian dối để thu lợi bất chính hoặc bất hợp pháp”.

- Sai phạm trong báo cáo tài chính

Theo Lý thuyết Kiểm toán của (Nguyễn Quang Quỳnh & Nguyễn Thị Phương Hoa, 2008), sai phạm là yếu tố mấu chốt trong việc xác minh tính trung thực của thông tin kế toán và hoạt động tài chính. Sai phạm bao gồm gian lận và sai sót. “Gian lận là hành vi cố ý lừa dối, giấu diếm, xuyên tạc sự thật với mục đích tư lợi”. “Sai sót là lỗi không cố ý, thường được hiểu là sự nhầm lẫn bỏ sót hoặc yếu kém về năng lực gây ra sai phạm”.

Theo tác giả, sai phạm trong báo cáo tài chính (Financial Reporting Misconduct) là hành vi cố ý hoặc vô ý trình bày sai lệch, che giấu hoặc bóp méo thông tin trong báo cáo tài chính, dẫn đến việc thông tin tài chính không phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và dòng tiền của doanh nghiệp.

2.2.2. Các yếu tố tác động đến sai phạm trong báo cáo tài chính

Dựa trên thực tế các hành vi sai phạm trong báo cáo tài chính của các doanh nghiệp, tác giả phân tích một số yếu tố dẫn đến rủi ro có gian lận trong lập báo cáo tài chính là ví dụ điển hình như sau: **Động cơ/áp lực; Cơ hội; Thái độ hoặc thái độ biện minh**

2.3. Trách nhiệm và vai trò của doanh nghiệp trong việc ngăn chặn sai phạm trong báo cáo tài chính

2.3.1. Trách nhiệm của ban giám đốc

Trách nhiệm trong ngăn ngừa và phát hiện của ban giám đốc được VSA 240 quy định cụ thể tại phần I, đoạn 4: “Việc ngăn ngừa và phát hiện gian lận trước hết thuộc về trách nhiệm của Ban quản trị và Ban Giám đốc đơn vị được kiểm toán. Trách nhiệm này bao gồm việc cam kết tạo ra văn hóa trung thực và hành vi có đạo đức mà có thể được tăng cường bằng hoạt động giám sát tích cực của Ban quản trị.

2.3.2. Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của kiểm toán viên được trong phát hiện gian lận báo cáo tài chính được quy định rất rõ ràng, cụ thể tại phần I, đoạn 5 đến 9 (MOF, 2012): “Khi thực hiện kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, kiểm toán viên chịu trách nhiệm đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng liệu báo cáo tài chính, xét trên phương diện tổng thể, có còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn hay không. Do những hạn chế vốn có của kiểm toán, nên có rủi ro không thể tránh khỏi là kiểm toán viên không phát hiện được một số sai sót làm ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính, kể cả khi cuộc kiểm toán đã được lập kế hoạch và thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam.

2.3.3. Vai trò của hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc ngăn chặn sai phạm trong báo cáo tài chính

Hệ thống kiểm soát nội bộ có vai trò và trách nhiệm trong việc ngăn ngừa và phát hiện gian lận báo cáo tài chính: Đảm bảo số liệu trên sổ sách kế toán và trong báo cáo tài chính của công ty phản ánh trung thực, hợp lý, thận trọng tình trạng sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; Giảm bớt rủi ro gian lận, trộm cắp tài sản của công ty; Giúp công ty thực hiện đúng chính sách, pháp luật của nhà nước, tuân thủ nghiêm ngặt các nguyên tắc kế toán, chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán;

2.4. Dự báo sai phạm trong báo cáo tài chính

2.4.1. Khái niệm, ý nghĩa, vai trò của dự báo

Dự báo giúp các nhà quản trị doanh nghiệp biết được các mức độ tương lai của hiện tượng, qua đó giúp họ chủ động trong việc đề ra các kế hoạch và các quyết định cần thiết phục vụ cho quá trình sản xuất kinh doanh, đầu tư, quảng bá, quy mô sản xuất, kênh phân phối sản phẩm, nguồn cung cấp tài chính... và chuẩn bị đầy đủ điều kiện cơ sở vật chất, kỹ thuật cho sự phát triển trong thời gian tới.

2.4.2. Dự báo sai phạm trong báo cáo tài chính

Dự báo sai phạm trong BCTC là một chủ đề đáng quan tâm trong những thập kỷ qua vì tầm quan trọng rất lớn của nó cho các công ty niêm yết, các nhà đầu tư, các chủ nợ, các nhà quản lý và thậm chí cả nền kinh tế của một quốc gia. Nếu dự đoán sai phạm trong BCTC là đáng tin cậy, các nhà quản lý của các công ty có thể bắt đầu các biện pháp khắc phục hậu quả để tránh suy giảm trước khi cuộc khủng hoảng xảy ra và các nhà đầu tư có thể nắm bắt được tình hình lợi nhuận của các công ty niêm yết và điều chỉnh các chiến lược đầu tư của họ để tối ưu hóa các khoản đầu tư. Với sự phát triển không ngừng của máy học và trí tuệ nhận tạo, việc ứng dụng các thuật toán học máy để dự báo sai phạm trong BCTC của các công ty Việt Nam sẽ có nhiều ý nghĩa. Thông qua dự báo sai phạm trong BCTC có thể xem xét những chỉ số tài chính nào hiệu quả nhất trong dự báo và xác định mô hình, cũng như thuật toán nào dự báo nào là hiệu quả nhất.

2.5. Các lý thuyết liên quan

2.5.1. Lý thuyết về tam giác gian lận

Lý thuyết này do (Cressey, 1953)- nhà nghiên cứu về tội phạm vào những năm 40 của thế kỷ 20, mô hình giúp nhận diện các nhân tố dẫn đến hành vi gian lận. Theo Cressey gian lận thường phát sinh khi hội tụ ba điều kiện: Áp lực/động cơ, cơ hội, thái độ/cá tính.

2.5.2. Lý thuyết bàn cân gian lận

(W Steve Albrecht et al., 1986) Trên cơ sở lý thuyết bàn cân gian lận, các yếu tố về áp lực, cơ hội sẽ được xem xét đưa vào trong mô hình nghiên cứu sai phạm trong BCTC trong Luận án này.

2.5.3. Lý thuyết kim cương gian lận

Lý thuyết Kim cương Gian lận được (Wolfe & Hermanson, 2004) phát triển như một sự mở rộng quan trọng của lý thuyết Tam giác Gian lận do (Cressey, 1953) đề xuất. Nếu Tam giác Gian lận giải thích hành vi gian lận dựa trên ba yếu tố cốt lõi – áp lực, cơ hội và thái độ – thì lý thuyết Kim cương Gian lận bổ sung thêm yếu tố thứ tư là năng lực.

2.5.4. Lý thuyết đại diện

Trên quan điểm lý thuyết đại diện, HĐQT và ban giám đốc có trách nhiệm trong việc bảo đảm rằng BCTC phải cung cấp thông tin trung thực và hợp lý cho cổ đông hiện tại, cung cấp thông tin về chất lượng quản trị công ty của họ. Vai trò của HĐQT là giám sát quá trình kế toán tài chính và rủi ro của các hành vi phi đạo đức thông qua xác lập chi phí đại diện. Dựa

trên lý thuyết đại diện các nhân tố về kiểm toán, HĐQT thuộc về yếu tố cơ hội và thái độ sẽ được xem xét trong mô hình nghiên cứu về sai phạm trong BCTC.

2.5.5. Lý thuyết tín hiệu

Lý thuyết tín hiệu (Signal Theory), được phát triển bởi (Spence, 1973), tập trung vào tình huống thông tin bất cân xứng giữa hai bên: người gửi tín hiệu (sender) và người nhận tín hiệu (receiver). Lý thuyết tín hiệu làm nền tảng cho sự phát triển của các mô hình phát hiện hành vi sai trái trong báo cáo tài chính.

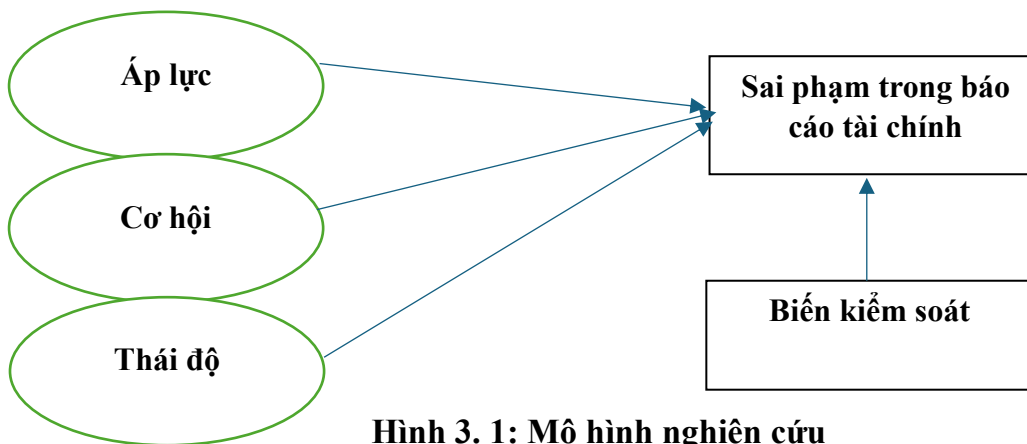
CHƯƠNG 3: PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

3.1. Mô hình và giả thuyết nghiên cứu

3.1.1. Mô hình nghiên cứu

Trong nghiên cứu này, dựa trên lý thuyết tam giác gian lận của, lý thuyết bàn cân gian lận của, lý thuyết kim cương gian lận, lý thuyết đại diện, lý thuyết tín hiệu và các nghiên cứu đã sử dụng các lý thuyết này như (Skousen, Smith, & Wright, 2009). Tác giả xây dựng mô hình nghiên cứu ảnh hưởng của các yếu tố đến sai phạm trong báo cáo tài chính có thể được biểu diễn thông qua phương trình (3.1) và Hình 3.1:

$$\text{Sai phạm trong BCTC} = f(\text{Áp lực, Cơ hội, Thái độ}) + \text{Biến kiểm soát} \quad (3.1)$$



Hình 3. 1: Mô hình nghiên cứu

Trên cơ sở lý thuyết tam giác gian lận, và tổng quan các nghiên cứu, tác giả xây dựng các biến trong mô hình nghiên cứu. Trong nghiên cứu này, sai phạm trong BCTC được xác định dựa trên quyết định xử phạt của Ủy ban chứng khoán có liên quan đến sai phạm trong BCTC. Các quyết định xử phạt vi phạm trong lĩnh vực chứng khoán như phát hành chứng khoán, mua bán chứng khoán, các giao dịch nội bộ không công bố, công bố thông tin không đầy đủ, chậm giải trình biến động giá cổ phiếu, Hội đồng quản trị..., sẽ không thuộc phạm vi thu thập trong nghiên cứu này.

3.1.2. Giả thuyết nghiên cứu

Dựa trên các lý thuyết tam giác gian lận của (Cressey, 1953) và lý thuyết bàn cân gian lận của (W. S. Albrecht et al., 1986), lý thuyết đại diện, lý thuyết tín hiệu và các cứu đã sử dụng các lý thuyết này như (Skousen et al., 2009), (Lou & Wang, 2011), (Nakashima, 2021), (Trần Thị Giang Tân, Nguyễn Trí Tri, Đinh Ngọc Tú, Hoàng Trọng Hiệp, & Nguyễn Đình Hoàng Uyên, 2015). Trên cơ sở mô hình nghiên cứu đã được xây dựng ở mục 3.1.1 cũng như các nội dung đã được trình bày cụ thể ở các chương trước tại mục 1.2, mục 2.5. Tác giả xây dựng các giả thuyết của từng nhân tố tác động đến khả năng xảy ra sai phạm trong báo cáo tài chính như sau:

Giả thuyết	Nội dung giả thuyết ban đầu	Nội dung giả thuyết điều chỉnh	Kỳ vọng
H_1	Tỷ suất sinh lời trên tài sản	Tỷ suất sinh lời trên tài sản	-
H_2	Khả năng kiệt quệ tài chính	Khả năng kiệt quệ tài chính	+
H_3	Dòng tiền hoạt động kinh doanh	Dòng tiền hoạt động kinh doanh	+
H_4	Đòn bẩy tài chính	Đòn bẩy tài chính	-
H_5	Sơ hữu Nhà nước	Sơ hữu Nhà nước	-
H_6	Sự kiêm nhiệm giữa chức danh chủ tịch hội đồng quản trị và giám đốc điều hành	Sự kiêm nhiệm giữa chức danh chủ tịch hội đồng quản trị và giám đốc điều hành	+
H_7	Quy mô của HĐQT	Quy mô của HĐQT	-
H_8	Tỷ lệ thành viên độc lập của HĐQT	Tỷ lệ thành viên độc lập của HĐQT	-
H_9	Kiểm toán viên thuộc nhóm Big 4	Kiểm toán viên thuộc nhóm Big 4	-
H_{10}	Ý kiến của kiểm toán viên độc lập	Ý kiến của kiểm toán viên độc lập	+

3.2. Phương pháp phân tích

3.2.1. Phương pháp hồi quy Logistic

Đối với các đề tài nghiên cứu, để xác định được quy mô mẫu đại diện cho tổng thể, có hai cách tiếp cận lựa chọn: (1) Theo phương pháp thống kê mô tả và (2) Theo mô hình định lượng lựa chọn của nghiên cứu.

3.2.2. Phương pháp cây quyết định

Cây quyết định là một mô hình phân loại được giới thiệu bởi (Belson, 1959), được sử dụng rộng rãi trong nhiều lĩnh vực khác nhau. Cây quyết định là một cây phân loại có cấu trúc được phân lớp các đối tượng dựa vào dãy các luật. Các biến độc lập và thuộc tính có thể thuộc các kiểu dữ liệu khác nhau như nhị phân (binary), định danh (nominal), thứ bậc (ordinal), dữ liệu định lượng (quantitative). Để xác định biến nào sử dụng phân loại trước, biến nào sử dụng sau, trọng số thông tin (Entropy) ứng với mỗi biến được tính toán, giá trị thông tin càng cao, biến đó càng mang nhiều thông tin phân loại.

3.2.3. Phương pháp rừng ngẫu nhiên

Random Forest (rừng ngẫu nhiên) là phương pháp phân lớp thuộc tính được phát triển bởi Leo Breiman tại đại học California, Berkeley. Trong random forest, việc cải thiện một cách đáng kể trong độ chính xác phân lớp là kết quả có được từ sự phát triển của một tập hợp các cây, mỗi cây trong tập hợp sẽ “bỏ phiếu” cho lớp phổ biến nhất..

3.3. Phương pháp đánh giá độ chính xác kết quả dự báo sai phạm trong báo cáo tài chính

Để đánh giá và so sánh hiệu suất của hai mô hình nghiên cứu, độ chính xác được tính theo công thức sau:

$$\text{Accuracy} = \frac{TP + TN}{TP + FP + FN + TN}$$

Một mô hình có các chỉ số trên đều cao thì mô hình có chất lượng dự báo càng tốt. Trong bài này tác giả sẽ sử dụng chỉ số Accuracy, Precision, Recall, F1 – score là thước đo đánh giá mô hình.

3.4. Dữ liệu nghiên cứu

3.4.1. Mẫu nghiên cứu

Theo (Yamane, 1967), cơ sở của việc chọn mẫu từ tổng thể trong nghiên cứu có thể được xác định theo công thức sau:

$$n = \frac{N}{1 + N(e)^2}$$

Trong đó:

n: Số lượng mẫu cần xác định

N: Tổng số mẫu (tổng thể)

e: Mức độ chính xác mong muốn (Mức sai sót 0,05 hay mức độ tin cậy 95%).

Trong nghiên cứu này, mẫu nghiên cứu được thu thập, tổng hợp toàn bộ các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam trong giai đoạn 2015 – 2023, do đó đảm bảo dữ liệu của tổng thể, dữ liệu thu thập từ nguồn FiinGroup Việt Nam và Vietstock, do đó dữ liệu đảm bảo được cập nhật và tin cậy.

3.4.2. Dữ liệu nghiên cứu về thực trạng sai phạm trong báo cáo tài chính

Để thực hiện nghiên cứu này, tác giả thu thập dữ liệu các doanh nghiệp niêm yết sai phạm trong BCTC trong giai đoạn 2015 – 2023 theo quyết định xử phạt của Ủy ban chứng khoán Nhà nước (Ủy ban chứng khoán căn cứ vào quy định của Nhà nước về công bố thông tin BCTC và xử phạt hành chính trong sai phạm trong BCTC) trong 9 năm có, 454 doanh nghiệp bị xử phạt do sai phạm trong BCTC.

3.4.3. Dữ liệu nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến sai phạm trong báo cáo tài chính

Nghiên cứu này sử dụng dữ liệu được thu thập thị trường chứng khoán Việt Nam trong giai đoạn 2015 – 2023, thông qua cơ sở dữ liệu được cung cấp bởi Finpro-X và <https://vietstock.vn>. Dữ liệu được thu thập từ các BCTC đã được kiểm toán của doanh nghiệp niêm yết sau khi loại bỏ các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm. Sau khi xác định các chỉ tiêu, dữ liệu được sử dụng để thực hiện phân tích và dự báo là 10794 quan sát, và dữ liệu được thu thập từ 9 ngành.

CHƯƠNG 4: KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU SAI PHẠM TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH

4.1. Thực trạng sai phạm trong báo cáo tài chính của các doanh nghiệp

Dựa trên nghị định xử phạt hành chính trong lĩnh vực chứng khoán, căn cứ vào mức độ và nội dung vi phạm, trong đó có sai phạm trong BCTC với mức phạt trung bình là 161,1 triệu đồng, với mức trung vị là 142,5 triệu đồng. Các doanh nghiệp niêm yết trên sàn HOSE và HNX có tỷ lệ sai phạm cao hơn các doanh nghiệp ở những sản chứng khoán còn lại. Trong số 454 doanh nghiệp sai phạm, tác giả xem xét nội dung 150 quyết định có sai phạm trong BCTC niêm yết trên sàn HOSE và HNX, trong số các sai phạm trong BCTC, sai phạm liên quan đến BCTC năm chiếm tỷ lệ 83,3%, sai phạm báo cáo quý là 50,7% và sai phạm liên quan đến BCTC bán niên chiếm tỷ lệ 43,3%, trễ về thời gian xử lý vi phạm trung bình là 2 năm.

4.2. Thống kê mô tả

Dựa trên cách thức đo lường sai phạm trong báo cáo tài chính giai đoạn 2015-2023, có tổng số ban đầu 454 doanh nghiệp sai phạm trong báo cáo tài chính. Với mục tiêu nghiên cứu là xem xét ảnh hưởng của các nhân tố đến sai phạm trong báo cáo tài chính, do đó các dữ liệu của các doanh nghiệp không đầy đủ thông tin, có những đặc thù riêng như các doanh nghiệp tài chính các doanh nghiệp thuộc hệ thống ngành hoạt động tài chính, ngân hàng, bảo hiểm. Tiếp tục loại trừ các doanh nghiệp không tìm thấy dữ liệu, hoặc dữ liệu các biến không đầy đủ, mẫu cuối cùng còn lại CÓ 201 doanh nghiệp sai phạm trong báo cáo tài chính và 10593 doanh nghiệp KHÔNG sai phạm trong báo cáo tài chính.

Trong bối cảnh đại dịch Covid19, tác giả xem xét sai phạm trong BCTC trong 2 giai đoạn trước Covid 19 và giai đoạn Covid19. Kết quả cho thấy hiệu quả kinh doanh trong giai đoạn Covid 19 có sự gia tăng sai phạm trong BCTC so với giai đoạn trước Covid19. Kết quả kiểm định cho thấy có sự khác biệt về sai phạm trong BCTC giai đoạn trước covid19 và giai đoạn Covid19 đến nay.

Tương quan giữa biến phụ thuộc và 10 biến độc lập:

Ma trận hệ số tương quan cho thấy, các biến giải thích được liệt kê trên (biến độc lập) đa số có quan hệ tương quan chặt chẽ với biến phụ thuộc sai phạm trong báo cáo tài chính. Đồng thời, giá trị Sig. đối với các hệ số tương quan đơn giữa biến phụ thuộc và các biến độc

lập đều khá nhỏ, đảm bảo các hệ số tương quan tổng thể có ý nghĩa thống kê ở mức 5% hoặc 1%. Tuy nhiên, để xem xét cụ thể các biến này có ảnh hưởng như thế nào đến sai phạm trong báo cáo tài chính, cần phải thực hiện hồi quy và kiểm định.

Tương quan giữa 10 biến độc lập với nhau

Nhìn chung, kết quả kiểm định tương quan giữa các biến độc lập trong mô hình với nhau cho thấy, không tồn tại một số cặp biến có tương quan với nhau với hệ số tương quan quá lớn có ý nghĩa thống kê. Như vậy, ít có khả năng xảy ra hiện tượng đa cộng tuyến cao giữa các biến khi thực hiện chạy mô hình nghiên cứu.

4.3. Kết quả hồi quy logistic

Kết quả nghiên cứu sẽ được xem xét theo từng nhóm các yếu tố Áp lực, cơ hội và thái độ. *Thứ nhất*, đối với nhóm nhân tố áp lực cả 5 biến đều có ảnh hưởng đến sai phạm trong báo cáo tài chính và có ý nghĩa thống kê, trong đó có 3 nhân tố có ảnh hưởng ngược chiều đến sai phạm trong báo cáo tài chính. Trái lại có nhân tố có ảnh hưởng thuận chiều đến sai phạm trong báo cáo tài chính. *Thứ hai*, đối với nhóm yếu tố cơ hội, kết quả cho thấy biến gần như không có ảnh hưởng đến sai phạm trong báo cáo tài chính. *Thứ ba*, đối với nhóm biến các yếu tố thái độ thì cả hai nhân tố đều ảnh hưởng đến sai phạm trong báo cáo tài chính.

Khi xem xét, các nhân tố ảnh hưởng đến sai phạm trong báo cáo tài chính, tác giả thực hiện hồi quy theo từng yếu tố, kết quả cũng có sự tương đồng.

Trong giai đoạn nghiên cứu từ 2015-2023, các doanh nghiệp chịu ảnh hưởng rất lớn bởi đại dịch đại dịch Covid-19 từ năm 2020 cho đến nay. Đối với nhân tố thuộc yếu tố áp lực, các nhân tố đều ảnh hưởng đến sai phạm trong BCTC trong giai đoạn trước đại dịch covid19, tuy nhiên trong đại đoạn đại dịch Covid19 chỉ có 2/5 nhân tố có ảnh hưởng đến sai phạm trong BCTC. Đối với các nhân tố thuộc yếu tố cơ hội, có 2/3 nhân tố có ảnh hưởng đến sai phạm trong BCTC (với mức ý nghĩa 10%), trong khi đó, trong giai đoạn đại dịch covid19 thì không có nhân tố nào ảnh hưởng. Trái ngược lại đối với các nhân tố thuộc yếu tố cơ hội, trong giai đoạn trước đại dịch Covid19, không có nhân tố nào ảnh hưởng, trong khi đó trong giai đoạn đại dịch Covid19 thì cả 2 nhân tố đều ảnh hưởng và có ý nghĩa thống kê.

4.4. Dự báo sai phạm trong báo cáo tài chính

4.4.1. Dự báo sai phạm trong báo cáo tài chính khi chưa xử lý dữ liệu mất cân bằng

Để dự báo sai phạm trong báo cáo tài chính, tác giả sử dụng 3 phương pháp bao gồm hồi quy logistic, rừng ngẫu nhiên và cây quyết định. Kết quả xem xét độ chính xác của các mô hình, các thuật toán hồi quy Logistic, rừng ngẫu nhiên và cây quyết định, có kết quả dự báo tổng hợp trung bình rất cao 98% và 96%. Tuy nhiên đối với dự báo về sai phạm trong báo

cáo tài chính thì rất thấp, tỷ lệ dự báo được là 5% (đối với phương pháp cây quyết định), Mặc dù kết quả dự báo trung bình thì cao, nhưng tỷ lệ dự báo sai phạm thấp là do dữ liệu tỷ lệ giữa doanh nghiệp sai phạm trong báo cáo tài chính và doanh nghiệp không sai phạm trong báo cáo tài chính có sự mất cân bằng nghiêm trọng với tỷ lệ 1,86% sai phạm và 98,14% không sai phạm, do đó khi tỷ lệ dự báo không sai phạm trong báo cáo tài chính đạt 99% sẽ làm cho tỷ lệ trung bình dự báo đạt 98% và 96%.

4.4.2. Dự báo sai phạm trong báo cáo tài chính khi đã xử lý dữ liệu mất cân bằng

Để khắc phục hạn chế đối với dữ liệu mất cân bằng, tác giả sử dụng sử dụng kỹ thuật SMOTE, kết quả cho thấy kết quả dự báo sai phạm trong báo cáo tài chính của các doanh nghiệp có sự thay đổi rất lớn, với kết quả dự báo rất tốt. Trong đó phương pháp rừng ngẫu nhiên (Random Forest) là thuật toán thuộc lớp mô hình kết hợp (ensemble model), cho kết quả của thuật toán cho thấy độ chính xác theo các thước đo Precision, Recall, F1-score đều trên 98%. Cụ thể mức độ dự báo Precision là 99%, Recall là 98% và F1-score là 98%, mức độ dự báo tổng quát là 98%. Để xem xét ảnh hưởng của các nhân tố đến khả năng dự báo sai phạm trong BCTC do tác động của đại dịch Covid19, tác giả chia bộ dữ liệu gồm 2 giai đoạn, giai đoạn trước Covid19 (giai đoạn từ năm 2015-2019) và giai đoạn tác động của Covid19 (giai đoạn từ năm 2020-2023).

Kết quả nghiên cứu các nhân tố tác động đến khả năng xảy ra sai phạm trong BCTC đây là kết quả trực quan của một cây quyết định (Decision Tree) được huấn luyện để phân loại giữa hai lớp: “Sai phạm trong BCTC” và “Không sai phạm trong BCTC”. Dựa trên các biến đầu vào như STATE, BSIZE, OPION, ROA, BDIND, DZSCORE... mỗi nút đại diện cho một điều kiện tách (split condition) trên một biến cụ thể, và mỗi nhánh thể hiện hướng đi tiếp theo dựa vào việc điều kiện đó đúng hay sai.

CHƯƠNG 5: THẢO LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

5.1. Thảo luận kết quả nghiên cứu

5.1.1. Thảo luận sai phạm trong báo cáo tài chính

Dựa trên cơ sở dữ liệu của 454 doanh nghiệp có sai phạm trong BCTC trong giai đoạn 2015-2023 đã được trình bày ở mục 3.2 và mục 4.1 cho thấy sự phát triển của thị trường chứng khoán những năm gần đây khá sôi động, các công ty phi tài chính niêm yết hoạt động kinh doanh với quy mô lớn. Với nhiều lĩnh vực hoạt động kinh doanh và nhiều ngành nghề khác nhau, đóng góp một phần lớn đối với tổng giá trị sản phẩm quốc dân và sự phát triển kinh tế của quốc gia.

Tuy nhiên, ngoài sự phát triển mạnh mẽ trên thì sai phạm trong báo cáo tài chính và không công bố thông tin cũng trở nên phổ biến trong những năm gần đây trong đó nội dung sai phạm nhiều nhất liên quan đến sai phạm công bố thông tin về báo cáo tài chính.

Việc tuân thủ các quy định về quản lý tài chính, kế toán vẫn còn có những tồn tại, sai sót do chưa tuân thủ đầy đủ các quy định về quản lý doanh thu, chi phí gắn với các yếu tố như nguyên, nhiên vật liệu, tiền lương, chi phí khác nên đã phải điều chỉnh, xử lý; chưa tuân thủ nghiêm túc các quy định về giá, về quản lý vật tư, vật liệu, về khai thác, sử dụng nguồn lực tài nguyên khoáng sản, đất đai, xác định định mức nên phải xử lý, điều chỉnh thông tin tài chính, báo cáo tài chính. Kết quả nghiên cứu cho thấy các sai phạm về doanh thu, chi phí khá phổ biến.

Điều này cho thấy những điều rất đáng băn khoăn về việc tuân thủ pháp luật quản lý tài chính, kế toán. Đó là, những tồn tại, hạn chế diễn ra vẫn còn mang tính chất thường xuyên, liên tục, lặp đi lặp lại nhưng chưa được chấn chỉnh khắc phục triệt để. Những tồn tại, sai sót, phải điều chỉnh số liệu cho thấy cần đặt ra yêu cầu phải tăng cường công tác tổ chức quản lý cũng như chấn chỉnh việc chấp hành quy định về quản lý tài chính, tài sản, chuẩn mực, chế độ kế toán.

5.1.2. Thảo luận các nhân tố ảnh hưởng đến sai phạm trong báo cáo tài chính

Với mẫu dữ liệu bao gồm 10794 quan sát trong giai đoạn 2015 - 2023 kết quả nghiên cứu cho thấy mô hình được xây dựng dựa trên hai yếu tố Áp lực và thái độ có ảnh hưởng đến sai phạm trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp.

Trong mô hình nghiên cứu, biến kiểm soát là Quy mô doanh nghiệp (SIZE), được đo lường là Logarit (Tổng tài sản), kết quả cho thấy quy mô của doanh nghiệp có quan hệ thuận chiều và có ý nghĩa thống kê đối với sai phạm trong BCTC của doanh nghiệp. Như vậy quy mô doanh nghiệp càng lớn, các hoạt động kinh doanh và cấu trúc phức tạp. Đặc biệt là những công ty hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con, phải lập báo cáo tài chính hợp nhất, dẫn đến có khả năng sai phạm trong BCTC cao hơn.

5.1.3. Thảo luận dự báo sai phạm trong báo cáo tài chính

Độ chính xác của các thuật toán trong dự báo sai phạm trong báo cáo tài chính

Sử dụng 11 chỉ số trong mô hình nghiên cứu, sau khi đã xử lý dữ liệu mất cân bằng, kết quả cho thấy Thuật toán rừng ngẫu nhiên có kết quả dự báo sai phạm trong BCTC cao nhất với tỷ lệ dự báo chính xác là 98%, kế tiếp là thuật toán cây quyết định đạt 96%. Tuy nhiên thuật toán Hồi quy Logistic, kết quả dự báo khá thấp chỉ đạt 68%. Cụ thể, với thuật toán rừng ngẫu nhiên, mức độ dự báo theo các tiêu chí mức độ dự báo chính xác (Precision), (Recall) và (F1-score) đều đạt 98%. Tóm lại, với việc được sử dụng tất cả 10 nhân tố theo các yếu tố áp lực, cơ

hội và thái độ để dự báo khả năng sai phạm trong BCTC bằng thuật toán rừng ngẫu nhiên cho kết quả dự đoán rất tốt đạt trên 98%. Kết quả nghiên cứu này tương đồng và độ dự báo chính xác hơn so với nghiên cứu của (Green & Choi, 1997), (Beneish, 1999), (Chen, 2016), (Jan, 2018), (Yao et al., 2019), (Craja et al., 2020), (Zenzerović & Šajrih, 2023), (Achakzai & Peng, 2023), (Ali et al., 2023), (Nemati et al., 2024).

Trong nghiên cứu này, khả năng dự báo sai phạm trong BCTC được đánh giá thông qua việc so sánh hiệu quả của ba mô hình học máy: hồi quy logistic, cây quyết định và rừng ngẫu nhiên. Biểu đồ ROC (Receiver Operating Characteristic) được sử dụng để minh họa hiệu suất phân loại của từng mô hình, trong đó diện tích dưới đường cong (AUC - Area Under the Curve) là chỉ số quan trọng phản ánh năng lực phân biệt giữa các quan sát có và không có hành vi sai phạm trong BCTC.

Tầm quan trọng của các nhân tố trong dự báo sai phạm trong báo cáo tài chính

Để xem xét tầm quan trọng của các nhân tố đối với khả năng dự báo chính xác sai phạm trong báo cáo tài chính. Tác giả sử dụng phương pháp rừng ngẫu nhiên và cây quyết định. Đối với phương pháp rừng ngẫu nhiên, 3 nhân tố quan trọng nhất của từng tác động đến khả năng dự báo là Tỷ lệ thành viên độc lập của HĐQT (BDIND), Quy mô doanh nghiệp (SIZE) và Đòn bẩy tài chính (LLEV). Trong khi đó, khi sử dụng phương pháp cây quyết định 3 nhân tố quan trọng nhất ảnh hưởng đến khả năng dự báo là Tỷ lệ thành viên độc lập của HĐQT (BDIND), Sở hữu Nhà nước (STATE) và Đòn bẩy tài chính (LLEV).

Khi xem xét trong bối cảnh của đại dịch Covid19, tầm quan trọng của nhân tố đến khả năng dự báo cũng có sự thay đổi trước giai đoạn Covid19 và giai đoạn từ Covid19 cho đến năm 2023. Như vậy trong những bối cảnh khác nhau, tầm quan trọng của từng nhân tố có thể có thay đổi, tuy nhiên kết quả dự báo trong cả 2 giai đoạn đều cho kết quả dự báo chính xác đạt đến 99% khi sử dụng phương pháp Rừng ngẫu nhiên

5.2. Giải pháp và khuyến nghị

Sai phạm trong BCTC ảnh hưởng rất lớn đến các đối tượng sử dụng thông tin trên BCTC, đặc biệt là các nhà đầu tư. Lý do dẫn đến hành vi sai phạm trong BCTC chủ yếu liên quan đến các hành vi được sử dụng phổ biến như không công bố thông tin đúng quy định, giải trình chênh lệch lợi nhuận chưa phù hợp, giao dịch các bên liên quan chưa đúng quy định. Trên cơ sở các kết quả nghiên cứu thực nghiệm trình bày tại Chương 4, luận án đề xuất các giải pháp và khuyến nghị nhằm hạn chế sai phạm trong báo cáo tài chính (BCTC) của các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Các giải pháp này được xây dựng dựa trên mức độ ảnh hưởng của các nhóm nhân tố **Áp lực (Pressure)**, **Cơ hội**

(Opportunity) và **Thái độ (Attitude)** đã được kiểm định, đồng thời hướng đến các đối tượng liên quan gồm cơ quan quản lý, doanh nghiệp, kiểm toán viên và nhà đầu tư.

- Đối với cơ quan nhà nước

+ Quốc Hội, Chính phủ, Ủy ban chứng khoán, Bộ tài chính cần xây dựng hệ thống văn bản pháp quy nhằm kiểm soát và hạn chế tới mức thấp nhất các hành vi sai phạm trong BCTC. Có thể tham khảo đạo luật Sarbanes-Oxley (Hoa kỳ).

+ Tăng cường công tác thanh tra, xử lý vi phạm liên quan đến tính minh bạch và trung thực của thông tin BCTC của các doanh nghiệp niêm yết.

+ Tăng cường kiểm soát chất lượng kế toán - kiểm toán BCTC của các công ty niêm yết thông qua thành lập tổ chức chuyên về kiểm soát hoạt động kế toán - kiểm toán.

+ Tăng cường tính giám sát bằng cách ban hành các văn bản nhằm nâng cao vai trò, phân định rõ trách nhiệm của ủy ban chứng khoán Việt Nam, sở giao dịch chứng khoán trong quá trình giám sát hoạt động công bố thông tin của doanh nghiệp niêm yết.

+ Có biện pháp xử phạt nặng hơn với các hành vi chậm công bố thông tin BCTC, không chấp nhận hoạt động gia hạn thời gian công bố với những lý do không chính đáng

+ Quản lý chặt chẽ thông tin, tránh sự lan tràn thông tin chưa chính thức một cách sai lệch trên thị trường chứng khoán.

+ Đưa ra nhiều phương pháp tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật về hoạt động công bố thông tin giả, thông tin sai sự thật, làm giả số liệu,... để tăng tính rõ ràng, minh bạch trong việc quản lý chất lượng thông tin công bố, tránh những ảnh hưởng tiêu cực đến thị trường chứng khoán nói chung và nhà đầu tư nói riêng.

+ Tăng cường quản lý và nâng cao chất lượng của kiểm toán viên độc lập và các công ty kiểm toán.

- Đối với công ty kiểm toán

+ Với các yếu tố động cơ, áp lực, kiểm toán viên cần quan tâm đến các chỉ số thể hiện khả năng sinh lợi nhuận của công ty, khả năng tạo doanh thu của công ty và dòng tiền thực tế hình thành từ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Kiểm toán viên thực hiện phân tích chỉ số này dựa trên cơ sở sánh với mức bình quân chung hoặc so sánh với chính số liệu đã kiểm toán năm trước của công ty.

+ Với yếu tố thái độ, kiểm toán viên có thể dựa vào kết quả của các cuộc kiểm toán trong quá khứ để đánh giá thái độ và đạo đức của ban giám đốc, nếu có dấu hiệu cho thấy ban giám đốc không chính trực (đã từng bị phát hiện gian lận lợi nhuận trước đây, đã từng phải

nhận ý kiến không chấp nhận toàn phần của kiểm toán viên), thì khả năng có gian lận trong báo cáo tài chính cao hơn.

+ Không ngừng nâng cao chất lượng kiểm toán cho khách hàng, đặc biệt là các doanh nghiệp niêm yết.

+ Đẩy mạnh hoạt động tư vấn cho doanh nghiệp niêm yết trong và sau kiểm toán. Phối hợp với hội nghề nghiệp và các cơ quan quản lý để hoàn thiện chính sách kế toán và các văn bản pháp luật.

+ Các kiểm toán viên có thể sử dụng các thuật toán rừng ngẫu nhiên, cây quyết định để dự báo sai phạm trong BCTC có thể xảy ra, giúp các kiểm toán viên có thể nhận diện các doanh nghiệp có nguy cơ cao thực hiện các hành vi gian lận. Tuy nhiên trong giai đoạn và bối cảnh khác nhau (ví dụ ảnh hưởng của đại dịch Covid19), tầm quan trọng của từng nhân tố có thể thay đổi theo từng phương pháp và từng thuật toán khác nhau.

- Đối với các doanh nghiệp

+ Nâng cao chất lượng nhân lực kế toán, các sai phạm mà người lập BCTC cũng có một phần không nhỏ là từ những nguyên nhân chủ quan như trình độ nghiệp vụ của người làm kế toán còn yếu kém, thiếu tính trung thực khách quan, cũng như khả năng quan sát, phân tích tổng hợp.

+ Hội đồng quản trị phải tăng cường hoạt động giám sát nhằm đảm bảo hành vi của Ban Giám đốc không vi phạm lợi ích của cổ đông.

+ Doanh nghiệp cần thống nhất thời gian và quy trình lập BCTC hợp nhất đối với các đơn vị trong nội bộ doanh nghiệp.

+ Doanh nghiệp cần hoàn thiện phương tiện CBTT từ những nguồn cơ bản như trang thông tin điện tử, cơ sở dữ liệu điện tử của DN và tiến hành các biện pháp bảo mật, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin trong nội bộ DN, tránh tình trạng rò rỉ và sai lệch thông tin.

+ Các cổ đông nên thể hiện hết vai trò và nghĩa vụ của mình trong hoạt động giám sát trách nhiệm của các công ty niêm yết, cần yêu cầu các DN cung cấp đầy đủ và chính xác thông tin để đáp ứng quyền lợi của mình, góp phần thu hút đầu tư, nâng cao vị thế của DN.

- Đối với nhà đầu tư

Nhà đầu tư cá nhân và tổ chức có thể xây dựng mô hình đánh giá rủi ro gian lận BCTC dựa trên các chỉ báo tài chính, dòng tiền và thông tin kiểm toán. Đặc biệt, việc tích hợp các chỉ số như ROA, dòng tiền hoạt động, đòn bẩy tài chính và ý kiến kiểm toán có thể nâng cao độ chính xác trong phát hiện các doanh nghiệp có khả năng sai phạm cao. Bên cạnh đó, các cơ quan quản lý thị trường cần tăng cường vai trò giám sát đối với các doanh nghiệp có sở

hữu nhà nước và đòn bẩy tài chính cao, đồng thời nâng cao yêu cầu về chất lượng kiểm toán nhằm bảo vệ nhà đầu tư và thị trường.

5.3. Đóng góp của đề tài cho lý thuyết và thực tiễn

5.3.1. Đóng góp cho lý thuyết

Thứ nhất, đối với lý thuyết tam giác gian lận, nghiên cứu đã củng cố vai trò trung tâm của yếu tố áp lực. Các biến như ROA thấp, dòng tiền từ hoạt động kinh doanh (NCFO) yếu, đòn bẩy tài chính cao (LLEV), và khả năng kiệt quệ tài chính (DZSCORE) có tương quan cùng chiều với xác suất sai phạm trong báo cáo tài chính, cho thấy khi doanh nghiệp chịu áp lực tài chính lớn, động cơ để gian lận tăng lên rõ rệt. Đồng thời, nghiên cứu phát hiện rằng các biến thuộc nhóm cơ hội, như quy mô HĐQT, tỷ lệ thành viên độc lập, và sự kiêm nhiệm chức danh, lại không có ý nghĩa thống kê, gợi ý rằng cơ hội gian lận trong một số bối cảnh ở Việt Nam không chỉ phụ thuộc vào cấu trúc mà còn do hiệu lực thực thi. Ngoài ra, sự hiện diện của kiểm toán viên Big4 có tác dụng làm giảm sai phạm trong BCTC cho thấy tác động của yếu tố thái độ/lý do và chuẩn mực nghề nghiệp trong việc hạn chế hành vi sai phạm trong BCTC.

Thứ hai, lý thuyết bàn cân gian lận kết quả cho thấy ở các doanh nghiệp có sở hữu nhà nước (STATE), nơi quyền lực tập trung hoặc thiếu cơ chế giám sát hiệu quả, hành vi gian lận vẫn xảy ra – hàm ý về khả năng tận dụng quyền lực cá nhân để thực hiện hành vi sai phạm trong BCTC.

Thứ ba, nghiên cứu bổ sung bằng chứng thực nghiệm cho lý thuyết đại diện, khi cho thấy sự xung đột lợi ích giữa nhà quản trị và cổ đông có thể dẫn đến gian lận báo cáo tài chính. Việc ban lãnh đạo đối mặt với áp lực tài chính hoặc mục tiêu lợi nhuận có thể khuyến khích họ thực hiện hành vi sai phạm trong BCTC nhằm đạt được lợi ích cá nhân, đặc biệt trong bối cảnh thiếu giám sát hiệu quả từ HĐQT hoặc kiểm toán viên không đủ độc lập.

5.3.2. Đóng góp cho thực tiễn

Kết quả nghiên cứu về các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng xảy ra sai phạm trong BCTC mang lại những đóng góp đáng kể cho thực tiễn cơ quan quản lý, doanh nghiệp, công ty kiểm toán và nhà đầu tư. Những phát hiện thực nghiệm có thể được ứng dụng trong việc nâng cao hiệu quả kiểm soát tài chính, thiết kế chính sách quản trị phù hợp và hỗ trợ các bên liên quan trong việc đánh giá rủi ro sai phạm trong báo cáo tài chính.

Trước hết, từ góc độ nhà đầu tư, nghiên cứu cung cấp một bộ chỉ báo cảnh báo sớm về khả năng sai phạm trong báo cáo tài chính. Các biến tài chính như tỷ suất sinh lời trên tài sản (ROA), khả năng kiệt quệ tài chính (DZSCORE), dòng tiền hoạt động (NCFO) và đòn bẩy tài chính (LLEV) đều thể hiện mối liên hệ chặt chẽ với hành vi sai phạm trong BCTC. Nhà đầu tư có thể sử dụng các chỉ số này như công cụ phân tích rủi ro trước khi đưa ra quyết định mua, bán hoặc nắm giữ cổ phiếu, đặc biệt trong các giai đoạn thị trường biến động hoặc doanh nghiệp gặp khó khăn về thanh khoản.

Đối với ban lãnh đạo doanh nghiệp, nghiên cứu cho thấy rằng áp lực tài chính là một trong những yếu tố kích thích hành vi sai phạm trong BCTC. Điều này đặt ra yêu cầu phải thiết lập hệ thống quản trị rủi ro tài chính hiệu quả, đồng thời chú trọng vào minh bạch tài chính và quản trị đạo đức nhằm nâng cao niềm tin từ cổ đông và thị trường. Ngoài ra, kết quả bác bỏ ý nghĩa thống kê của các biến về cơ cấu hội đồng quản trị (DUAL, BSIZE, BDIND) gợi mở rằng các doanh nghiệp cần không chỉ chú trọng đến hình thức quản trị, mà còn phải đảm bảo năng lực thực thi và sự hiệu quả thực tế của các cơ chế kiểm soát nội bộ.

Về phía cơ quan quản lý và hoạch định chính sách, nghiên cứu cung cấp cơ sở dữ liệu quan trọng giúp nhận diện các doanh nghiệp có nguy cơ sai phạm trong BCTC, từ đó định hướng xây dựng các tiêu chí giám sát tài chính phù hợp hơn với thực tiễn. Cơ quan quản lý có thể xem xét các chỉ số rủi ro tài chính đã được kiểm định trong nghiên cứu để xây dựng hệ thống cảnh báo sớm, hỗ trợ công tác thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp nghiêm ngặt một cách hiệu quả hơn. Đồng thời, cần có cơ chế khuyến khích sử dụng kiểm toán viên uy tín nhằm nâng cao chất lượng báo cáo tài chính trong toàn thị trường.

Tóm lại, nghiên cứu không chỉ có giá trị về mặt lý thuyết mà còn mang lại nhiều hàm ý thực tiễn, đặc biệt trong việc tăng cường minh bạch tài chính, giảm thiểu rủi ro sai phạm trong BCTC và nâng cao hiệu quả của thị trường tài chính tại Việt Nam.

5.4. Hạn chế và định hướng nghiên cứu trong tương lai

Thứ nhất, mô hình nghiên cứu sử dụng dữ liệu thứ cấp, chủ yếu dựa trên báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán của các công ty niêm yết. Điều này có thể gây ra hiện tượng sai lệch do hạn chế về tính sẵn có và minh bạch của thông tin. Một số hành vi sai phạm trong BCTC có thể chưa được phát hiện của Ủy ban chứng khoán, dẫn đến hiện tượng đo lường sai trong biến phụ thuộc. Do đó, các nghiên cứu tương lai cần bổ sung dữ liệu định tính thông qua khảo sát, phỏng vấn chuyên sâu với kiểm toán viên, nhà đầu tư hoặc cơ quan quản lý để tăng cường độ tin cậy và chiều sâu của dữ liệu.

Thứ hai, các biến đo lường cơ hội (DUAL, BSIZE, BDIND) không cho kết quả thống kê có ý nghĩa, dù lý thuyết cho rằng đây là các yếu tố có ảnh hưởng rõ rệt đến hành vi sai phạm trong BCTC. Kết quả này có thể phản ánh vấn đề về chất lượng quản trị doanh nghiệp trên thực tế, hoặc sự không phù hợp của cách đo lường định lượng hiện tại. Do đó, các nghiên cứu tiếp theo có thể xem xét các chỉ tiêu thay thế phản ánh tốt hơn hiệu quả của bộ máy quản trị như tỷ lệ tham dự họp, hoặc mạng lưới quan hệ giữa các thành viên HĐQT.

Thứ ba, nghiên cứu chỉ thực hiện trên mẫu dữ liệu của các doanh nghiệp niêm yết tại Việt Nam, với các đặc điểm pháp lý và thể chế đặc thù. Do đó, khả năng khái quát hóa sang các quốc gia hoặc khu vực pháp lý khác còn hạn chế. Các nghiên cứu so sánh giữa các thị trường mới nổi và phát triển, sẽ là hướng đi hữu ích để đánh giá tính phổ quát và nhất quán của mô hình nghiên cứu.

Cuối cùng, trong bối cảnh chuyển đổi số và áp dụng trí tuệ nhân tạo trong lĩnh vực kế toán – kiểm toán, nghiên cứu tương lai cần mở rộng khung lý thuyết để tích hợp yếu tố công nghệ, bao gồm mức độ sử dụng công cụ phân tích rủi ro bằng trí tuệ nhân tạo học sâu hoặc kết hợp với phân tích ngôn ngữ văn bản làm tăng khả năng dự báo sai phạm trong BCTC với độ chính xác cao hơn.

KẾT LUẬN CHUNG

Sai phạm trong BCTC là một chủ đề có tính nổi bật trong lĩnh vực kinh tế, xã hội và chính trị. Tính phổ biến của sai phạm trong BCTC trên thế giới và ở Việt Nam đặt ra vấn đề cần tìm hiểu bản chất, nguyên nhân và hệ quả của sai phạm. Nghiên cứu này có giá trị khi ứng dụng trong việc đánh giá tình trạng sai phạm báo tài chính của doanh nghiệp với khả năng dự báo với độ chính xác cao. Qua nghiên cứu, tác giả đạt được một số kết quả như sau:

- Thứ nhất chỉ ra thực trạng sai phạm trong báo cáo tài chính thông qua số liệu của ủy ban chứng khoán về xử phạt hành chính sai phạm trong báo cáo tài chính của các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán tại Việt Nam giai đoạn 2015-2023.

- Thứ hai xác định những nhân tố ảnh hưởng dựa trên lý thuyết tam giác gian lận và tầm quan trọng nhất trong dự báo sai phạm trong BCTC. Trong đó các nhân tố thuộc về yếu tố áp lực và thái độ có ảnh hưởng đến sai phạm trong BCTC

- Thứ ba xác định được tầm quan trọng của các nhân tố trong việc ứng dụng các thuật toán máy học trong dự báo khả năng sai phạm trên BCTC của các công ty niêm yết trên sàn chứng khoán Việt Nam với độ chính xác đạt trên 98%.

- Thứ tư xem xét khả năng dự báo khả năng sai phạm trên BCTC của các công ty niêm yết trên sàn chứng khoán Việt Nam trong bối cảnh tác động của đại dịch Covid19, khi chia dữ liệu nghiên cứu thành 2 giai đoạn trước Covid19 và giai đoạn Covid19 đến năm 2023. Kết quả cho thấy khả năng dự báo với độ chính xác không thay đổi, tuy nhiên tầm quan trọng của từng nhân tố có sự thay đổi với nhau.

- Thứ năm, đã đề xuất được các khuyến nghị, biện pháp nhằm ngăn ngừa, phát hiện sai phạm ở một mức độ nào đó, giúp ích rất nhiều cho các nhà đầu tư, các đối tượng quan tâm đến thông tin trên BCTC từ đó có những lựa chọn quản lý và đầu tư hiệu quả.

Tác giả cũng tin rằng kết quả nghiên cứu này sẽ có ý nghĩa cả về nghiên cứu và thực tiễn cho các bên liên quan. Mặc dù tác giả đã nỗ lực nghiên cứu, giải quyết những mục tiêu nghiên cứu đã đặt ra song luận án không tránh khỏi những hạn chế nhất định. Tác giả mong nhận được những ý kiến đóng góp quý báu của các nhà khoa học để luận án được hoàn thiện hơn.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ

1. **Đặng Ngọc Hùng, Phạm Thị Hồng Diệp, Cao Thị Nhiên** “*Nghiên cứu gian lận Báo cáo tài chính tiếp cận theo thuật toán rừng ngẫu nhiên*”, Tạp chí Khoa học và Công nghệ, tập 58 số 2 tháng 04/2022.
2. **Cao Thị Nhiên, Đặng Ngọc Hùng, Hoàng Thị Việt Hà** “*Nghiên cứu sai phạm báo cáo tài chính tại các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam*”, Tạp chí Nghiên cứu Tài chính Kế toán (Học viện Tài chính) Kỳ 2 tháng 6 (số 266) – 2024.
3. **Cao Thị Nhiên, Đặng Ngọc Hùng, Vũ Thị Thanh Bình** “*Using random forest and artificial neural network to detect fraudulent financial reporting: Data from listed companies in Vietnam*”, Tạp chí Quality - Access to Success Vol. 25, No.202/Sep 2024 DOI: 10.47750/QAS/25.202.17 SCOPUS
4. **Cao Thị Nhiên, Đặng Ngọc Hùng, Vũ Thị Thúy Vân, Hoàng Thị Việt Hà** “*Financial statement fraud overview reached by directory and content bibliometric analysis*” Tạp chí Journal of Finance & Accounting Research No. 06 (31) – 2024, page 55 – 60
5. **Cao Thị Nhiên, Đặng Ngọc Hùng, Hoàng Thị Việt Hà, Phạm Thị Hồng Diệp** “*Các nhân tố ảnh hưởng đến sai phạm Báo cáo tài chính của các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam*”, Tạp chí Khoa học & Công nghệ (trường Đại học Công nghiệp Hà Nội), Tập 60 số 11 tháng 11/2024, 301-308